

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số:	9280
ĐẾN Ngày:	23/03/15
Chuyển:	MMK
Lưu hồ sơ số:	

Kic
Hoa
U
✓

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7-8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9-31

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



TỔNG
CÔNG TY
GAS
PETROLIMEX
- CTCP

Trần Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

500
3 TY
V HỮU
HTTE
NAM
TP

Số: 772 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.340.215.086.691	1.318.858.338.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	165.896.805.396	354.810.440.443
1. Tiền	111		45.096.805.396	48.310.440.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.800.000.000	306.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	762.324.034.500	519.561.430.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		769.445.340.187	526.469.433.693
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.121.305.687)	(6.908.003.493)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		325.508.954.842	318.330.821.280
1. Phải thu khách hàng	131		35.803.969.901	55.193.866.276
2. Trả trước cho người bán	132		36.546.191.335	15.087.444.491
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	235.824.968.845	237.223.628.051
4. Các khoản phải thu khác	135	8	18.748.865.909	12.678.435.859
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.415.041.148)	(1.852.553.397)
IV. Hàng tồn kho	140	9	76.971.055.267	109.046.751.376
1. Hàng tồn kho	141		79.697.597.669	116.816.821.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.726.542.402)	(7.770.070.471)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.514.236.686	17.108.895.576
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		853.375.958	970.754.121
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.967.693.811	15.628.827.366
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.693.166.917	509.314.089
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		507.421.674.771	525.345.245.374
I. Tài sản cố định	220		267.594.069.821	263.218.257.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	257.334.282.375	198.941.605.890
- Nguyên giá	222		389.941.112.869	308.011.107.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.606.830.494)	(109.069.501.420)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.592.675.980	9.562.489.457
- Nguyên giá	228		16.839.023.106	14.855.023.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.246.347.126)	(5.292.533.649)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	667.111.466	54.714.161.700
II. Bất động sản đầu tư	240	13	7.921.664.537	7.524.571.900
- Nguyên giá	241		9.043.165.265	9.043.165.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.121.500.728)	(1.518.593.365)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		132.987.708.826	137.915.508.893
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	131.987.708.826	131.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	-	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	2.610.000.000	2.610.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.610.000.000)	(1.682.199.933)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		98.918.231.587	116.686.907.534
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	98.252.266.679	116.020.942.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		665.964.908	665.964.908
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.847.636.761.462	1.844.203.584.249

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.231.692.658.565	1.181.883.641.696
I. Nợ ngắn hạn	310		1.216.632.378.555	1.155.968.310.148
1. Vay ngắn hạn	311	18	1.066.466.465.108	822.635.637.433
2. Phải trả người bán	312		55.574.077.866	277.384.940.160
3. Người mua trả tiền trước	313		1.598.742.231	1.354.863.287
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	2.077.594.978	4.025.617.382
5. Phải trả người lao động	315		11.724.183.633	13.629.043.814
6. Chi phí phải trả	316		6.689.395.466	993.315.237
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	71.114.136.304	25.740.166.150
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	21	-	8.102.335.721
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.387.782.969	2.102.390.964
II. Nợ dài hạn	330		15.060.280.010	25.915.331.548
1. Phải trả dài hạn khác	333	22	14.423.587.282	25.389.233.820
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		636.692.728	526.097.728
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		615.944.102.897	662.319.942.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	615.944.102.897	662.319.942.553
1. Vốn điều lệ	411		502.875.030.000	502.875.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.302.550.000	7.302.550.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		67.151.082.553	61.091.700.833
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.200.000.000	14.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.465.140.344	77.100.361.720
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.847.636.761.462	1.844.203.584.249

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	542.400.000	3.095.500.000

Phan Quang Thành
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.605.297.347.158	2.790.715.330.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		986.049.206	675.627.277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	2.604.311.297.952	2.790.039.703.002
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	2.527.644.999.392	2.683.722.241.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.666.298.560	106.317.461.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	114.023.311.721	95.106.200.453
7. Chi phí tài chính	22	28	42.996.592.226	31.510.386.116
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.607.078.110	34.269.258.409
8. Chi phí bán hàng	24		36.875.525.230	48.137.671.077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.551.142.952	40.083.961.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		85.266.349.873	81.691.643.023
11. Thu nhập khác	31	29	21.067.556.745	6.011.107.668
12. Chi phí khác	32	30	15.924.741.441	2.258.186.046
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.142.815.304	3.752.921.622
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		90.409.165.177	85.444.564.645
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	5.603.044.833	8.164.541.326
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	179.661.599
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		84.806.120.344	77.100.361.720



Phan Quang Thành
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng





Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	90.409.165.177	85.444.564.645
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.663.780.815	20.096.769.732
Các khoản dự phòng	03	(13.442.273.778)	(10.638.346.059)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	197.168.915
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(115.754.894.059)	(92.338.709.104)
Chi phí lãi vay	06	37.607.078.110	34.269.258.409
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	25.482.856.265	37.030.706.538
Thay đổi các khoản phải thu	09	35.926.637.108	(8.060.454.460)
Thay đổi hàng tồn kho	10	37.119.224.178	32.458.889.135
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(222.700.695.080)	(1.455.311.833)
Thay đổi chi phí trả trước	12	17.886.054.110	(12.898.105.732)
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.423.809.084)	(30.149.339.874)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.518.241.519)	(12.713.538.373)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.323.038.164	5.378.500.517
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.214.607.995)	(10.440.749.590)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(153.119.543.853)	(849.403.672)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(53.292.670.122)	(60.694.933.889)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.978.225.103	29.254.061.240
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(928.145.529.000)	(846.026.250.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	685.168.779.000	564.935.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	4.873.134.360	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	843.506	1.472.060.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	66.174.707.024	114.988.202.236
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(209.242.510.129)	(196.071.860.413)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	2.947.705.170.896	2.494.366.191.759
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.703.874.343.221)	(2.034.523.766.657)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(70.382.408.740)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	173.448.418.935	459.842.425.102
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(188.913.635.047)	262.921.161.017
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	354.810.440.443	91.889.279.426
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	165.896.805.396	354.810.440.443

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 773.258.979 đồng (năm 2013: 2.863.137.411 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa thanh toán cho nhà cung cấp và đã bao gồm 18.267.815.242 đồng (năm 2013: 12.579.555.126 đồng) là số tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa nhận tài sản trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

Trong năm, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG, trước đây là Công ty liên kết của Tổng Công ty, đã chấm dứt hoạt động từ ngày 24 tháng 6 năm 2014 theo quyết định giải thể ngày 7 tháng 5 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Một phần giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được bù trừ với số dư khoản phải trả khác cho công ty này với giá trị là 4.822.716.212 đồng, đây là số tiền lũy kế Tổng Công ty đã nhận lại từ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG trong các năm trước.

Trong năm, lợi nhuận chuyển từ các công ty con về Tổng Công ty phát sinh với giá trị là 67.438.396.926 đồng. Toàn bộ khoản lợi nhuận này đã và sẽ được bù trừ thông qua công nợ Tổng Công ty phải trả các công ty con. Theo đó, khoản lợi nhuận này sẽ được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

Phan Quang Thành
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 ngày 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 3 năm 2013 với số vốn điều lệ là 502.875.030.000 đồng.

Tổng Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 305 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 306 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu nội bộ ngắn hạn, phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Tổng Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày cuối niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Tổng Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc xác định việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư không có giá tham chiếu này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí quản lý kho

Tổng Công ty hạch toán, theo dõi các chi phí tại kho đầu mối (như chi phí lương, khấu hao tài sản cố định, các chi phí thuê ngoài liên quan đến việc chiết nạp gas) vào giá vốn hàng bán. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc hạch toán này là phù hợp với các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	233.525.718	383.574.126
Tiền gửi ngân hàng	44.863.279.678	47.926.866.317
Các khoản tương đương tiền (*)	120.800.000.000	306.500.000.000
	<u>165.896.805.396</u>	<u>354.810.440.443</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

Như trình bày tại thuyết minh số 18, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đang sử dụng số tiền gửi kỳ hạn với giá trị 27,5 tỷ đồng tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành để đảm bảo cho khoản vay thấu chi.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomim	275.761	1.119.267
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	749.068.000.000	506.091.250.000
	<u>769.445.340.187</u>	<u>526.469.433.693</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(7.121.305.687)	(6.908.003.493)
	<u>762.324.034.500</u>	<u>519.561.430.200</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ):		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	54.358.663.993	53.954.909.644
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	53.318.337.401	53.277.335.284
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	64.075.681.945	83.715.484.630
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	30.414.335.570	28.636.383.848
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	33.657.949.936	17.639.514.645
	<u>235.824.968.845</u>	<u>237.223.628.051</u>

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	-	479.314.089
Phải thu ngắn hạn khác	18.748.865.909	12.199.121.770
	<u>18.748.865.909</u>	<u>12.678.435.859</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.357.423.800	792.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	21.349.072.514	5.617.732.677
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.186.514.574	1.728.967.438
Hàng hóa	54.804.586.781	108.678.121.732
Cộng	<u>79.697.597.669</u>	<u>116.816.821.847</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.726.542.402)	(7.770.070.471)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>76.971.055.267</u>	<u>109.046.751.376</u>



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	230.394.829.074	50.179.484.024	21.668.624.834	5.768.169.378	308.011.107.310
Mua sắm mới	6.305.644.770	2.331.939.500	710.000.000	60.081.507	9.407.665.777
Xây dựng cơ bản hoàn thành	32.686.241.800	53.655.627.200	1.739.396.726	88.650.305	88.169.916.031
Thanh lý, nhượng bán	(14.820.338.422)	-	(827.237.827)	-	(15.647.576.249)
Tại ngày 31/12/2014	254.566.377.222	106.167.050.724	23.290.783.733	5.916.901.190	389.941.112.869
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	68.142.863.667	27.659.747.150	11.858.177.480	1.408.713.123	109.069.501.420
Khấu hao trong năm	13.194.289.878	8.221.641.492	2.285.219.350	1.405.909.255	25.107.059.975
Thanh lý, nhượng bán	(985.819.155)	-	(583.911.746)	-	(1.569.730.901)
Tại ngày 31/12/2014	80.351.334.390	35.881.388.642	13.559.485.084	2.814.622.378	132.606.830.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	174.215.042.832	70.285.662.082	9.731.298.649	3.102.278.812	257.334.282.375
Tại ngày 31/12/2013	162.251.965.407	22.519.736.874	9.810.447.354	4.359.456.255	198.941.605.890

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 39.356.497.245 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.740.656.871 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	6.970.386.850	7.884.636.256	14.855.023.106
Mua sắm mới	-	1.984.000.000	1.984.000.000
Phân loại lại	17.660.620	(17.660.620)	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.988.047.470</u>	<u>9.850.975.636</u>	<u>16.839.023.106</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1.108.293.353	4.184.240.296	5.292.533.649
Trích khấu hao trong năm	113.940.000	1.260.187.508	1.374.127.508
Phân loại lại	17.660.620	(17.660.620)	-
Tăng từ phân loại lại từ bất động sản đầu tư	579.685.969	-	579.685.969
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.819.579.942</u>	<u>5.426.767.184</u>	<u>7.246.347.126</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.168.467.528</u>	<u>4.424.208.452</u>	<u>9.592.675.980</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.862.093.497</u>	<u>3.700.395.960</u>	<u>9.562.489.457</u>

(*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành quyết định.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình mở rộng Đình Vũ, di dời thượng lý	-	8.823.926.266
Công trình kho gas Thọ Quang	-	45.085.018.335
Các công trình khác	667.111.466	805.217.099
	<u>667.111.466</u>	<u>54.714.161.700</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Tại ngày 31/12/2014	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1.252.195.970	266.397.395	1.518.593.365
Trích khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Giảm do phân loại lại tài sản cố định vô hình	(579.685.969)	-	(579.685.969)
Tại ngày 31/12/2014	811.650.001	309.850.727	1.121.500.728
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	6.145.755.469	1.775.909.068	7.921.664.537
Tại ngày 31/12/2013	5.705.209.500	1.819.362.400	7.524.571.900

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Vốn đầu tư tại các công ty con	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	20.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	11.487.708.826	11.487.708.826
	131.987.708.826	131.987.708.826

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	Hà Nội	50%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	2.610.000.000
	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(1.610.000.000)
	1.000.000.000	1.000.000.000

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vỏ bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	20.771.135.053	93.438.004.783	1.811.802.790	116.020.942.626
Tăng trong năm	-	23.290.442.000	17.408.270.905	40.698.712.905
Giá vốn vỏ bình bán cho công ty con	-	(41.844.364.510)	-	(41.844.364.510)
Thanh lý trong năm	-	(1.784.268.159)	-	(1.784.268.159)
Phân bổ vào chi phí	(612.469.932)	(9.594.661.179)	(4.631.625.072)	(14.838.756.183)
Tại ngày 31/12/2014	20.158.665.121	63.505.152.935	14.588.448.623	98.252.266.679

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho ga Đình Vũ, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	182.455.872.352	100.616.095.133
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	195.440.428.245	82.821.906.176
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	232.209.379.204	245.565.815.200
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	120.935.313.343	155.081.193.313
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	210.397.357.490	161.832.596.905
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	56.621.390.014
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (vi)	81.707.304.932	20.096.640.692
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (vii)	43.320.809.542	-
	<u>1.066.466.465.108</u>	<u>822.635.637.433</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 00122/2014/0000312 ngày 10 tháng 4 năm 2014. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất và lịch trả nợ gốc; lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.

- Hợp đồng thấu chi ngày 28/11/2014, mục đích thấu chi để bù đắp thiếu hụt thanh toán. Khoản vay này được thế chấp bằng Hợp đồng tiền gửi 01/11.2014/HĐTG/BIDV.HTH-GAS, số tiền 27,5 tỷ đồng VND, thời hạn từ 28/01/2014-28/01/2015.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng vay số 01/2014/HĐTDHM/NHCT126-PGC ký ngày 01 tháng 7 năm 2014. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ngày trả lãi, trả nợ gốc được quy định trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch theo Hợp đồng số 130407/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 04 tháng 12 năm 2013, mục đích sử dụng khoản tiền vay là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 1032.14.057.747309.TD ngày ký 08 tháng 10 năm 2014. Mục đích của khoản vay này là cho vay vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán (bao gồm cả bảo lãnh thanh toán thuế) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.14.8489/HĐHM/PGBHN ký ngày 28 tháng 02 năm 2014. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, hạn mức tín dụng là 400 tỷ đồng. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng số VHN130542 ngày 30 tháng 5 năm 2013, mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng vay số 088DN039/HĐTD-VIB/2014 ký ngày 11 tháng 9 năm 2014, mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn. Lãi suất và thời hạn thanh toán lãi và nợ gốc được ghi theo từng giấy ghi nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	98.292.293	435.993.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.276.278.955	1.191.475.641
Thuế thu nhập cá nhân	703.023.730	2.398.147.743
	2.077.594.978	4.025.617.382

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả cổ tức	60.622.109.260	10.322.558.000
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	545.937.901	473.460.883
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	-	4.822.716.212
Phải trả Cục thuế Đà Nẵng (*)	-	2.242.581.495
Phải trả, phải nộp khác	9.946.089.143	7.878.849.560
	71.114.136.304	25.740.166.150

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã nhận được văn bản chính thức của Cục thuế Đà Nẵng về việc miễn tiền thuế đất, thuế mặt nước Kho ga Thọ Quang. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện giảm trừ khoản phải trả này.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương	-	8.102.335.721

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn lại quỹ lương dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ, quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	25.389.233.820	34.267.659.983
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	7.323.038.164	5.227.374.260
Bàn giao cho các công ty con	(14.204.643.498)	(9.309.421.482)
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(4.084.041.204)	(4.796.378.941)
Số dư cuối năm	14.423.587.282	25.389.233.820

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	106.096.040.872	13.157.000.000	65.925.309.961	605.776.410.833			
Tăng vốn điều lệ	158.408.040.000	(68.878.220.000)	-	(55.102.580.000)	-	(34.427.240.000)	-			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	77.100.361.720	77.100.361.720			
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	10.098.239.961	843.000.000	(21.441.239.961)	(10.500.000.000)			
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(10.056.830.000)	(10.056.830.000)			
Tại ngày 01/01/2014	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	61.091.700.833	14.000.000.000	77.100.361.720	662.319.942.553			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	84.806.120.344	84.806.120.344			
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	6.059.381.720	200.000.000	(6.259.381.720)	(10.500.000.000)			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)			
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(120.681.960.000)	(120.681.960.000)			
Tại ngày 31/12/2014	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	67.151.082.553	14.200.000.000	24.465.140.344	615.944.102.897			

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông đồng ý chia cổ tức năm 2013 như sau: trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính với các giá trị lần lượt là 6.059.381.720 đồng và 200.000.000 đồng; chia Quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị là 10.500.000.000 đồng và chia cổ tức với giá trị là 60.340.980.000 đồng (tương đương 12% vốn điều lệ).

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 043/PGC-NQ-HDQT ngày 10 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị quyết định tạm chia cổ tức đợt 1 của năm 2014 bằng tiền mặt với giá trị là 60.340.980.000 đồng (tương đương 12% vốn điều lệ).

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	31/12/2014	31/12/2013
		VND	VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,37%	263.369.160.000	263.369.160.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,63%	239.505.870.000	239.505.870.000
	100%	502.875.030.000	502.875.030.000

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 là 12% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2013 phải trả là 60.340.980.000 đồng.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 043/PGC-NQ-HDQT ngày 10 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị quyết định tạm chia cổ tức đợt 1 của năm 2014 bằng tiền mặt với giá trị là 60.340.980.000 đồng (tương đương 12% vốn điều lệ).

Số dư cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 60.622.109.260 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 10.322.558.000 đồng).

d. Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	84.806.120.344	77.100.361.720
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	50.284.150	50.284.150
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.687	1.533

Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

24. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.570.496.232.589	2.765.248.713.618
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.731.024.159	19.994.610.443
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô bình gas	4.084.041.204	4.796.378.941
	2.604.311.297.952	2.790.039.703.002
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	2.079.611.934.518	2.000.786.983.116
Doanh thu với đối tượng khác	524.699.363.434	789.252.719.886
	2.604.311.297.952	2.790.039.703.002

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.503.028.863.466	2.667.641.095.334
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.616.135.926	16.081.146.490
	2.527.644.999.392	2.683.722.241.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.643.391.056	9.058.568.256
Chi phí tiền lương, tiền công	39.828.115.575	56.691.331.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.663.780.815	20.096.769.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.379.378.274	56.883.594.518
Chi phí khác	15.768.556.684	26.175.280.001
	160.283.222.404	168.905.544.217

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.416.117.378	39.859.918.559
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.438.396.926	53.741.691.215
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	168.797.417	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.504.590.679
	114.023.311.721	95.106.200.453

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	37.607.078.110	34.269.258.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	197.168.915
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.121.215.965	3.799.619.382
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	141.432.511	(8.402.481.323)
Chuyển nhượng chứng khoán	-	1.646.820.733
Lỗ từ thanh lý công ty liên kết PLG	126.865.640	-
	42.996.592.226	31.510.386.116

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	15.978.225.103	815.532.122
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	4.548.636.908	4.105.238.944
Thu nhập khác	540.694.734	1.090.336.602
	21.067.556.745	6.011.107.668

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	14.077.845.348	776.181.115
Phạt vi phạm hợp đồng	700.000	157.943.869
Khác	1.846.196.093	1.324.061.062
	15.924.741.441	2.258.186.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	90.409.165.177	85.444.564.645
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(64.940.779.571)	(52.786.399.343)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	67.438.313.726	53.741.691.215
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.497.534.155	955.291.872
Thu nhập chịu thuế	25.468.385.606	32.658.165.302
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.603.044.833	8.164.541.326

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	1.066.466.465.108	822.635.637.433
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	165.896.805.396	354.810.440.443
Nợ thuần	900.569.659.712	467.825.196.990
Vốn chủ sở hữu	615.944.102.897	662.319.942.553
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,46	0,71

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.896.805.396	354.810.440.443
Phải thu khách hàng	34.388.928.753	53.341.312.879
Phải thu nội bộ ngắn hạn	235.824.968.845	237.223.628.051
Các khoản phải thu khác	18.748.865.909	12.199.121.770
Đầu tư ngắn hạn	762.324.034.500	519.561.430.200
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	1.218.183.603.403	1.178.135.933.343
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.066.466.465.108	822.635.637.433
Phải trả người bán	55.574.077.866	277.384.940.160
Chi phí phải trả	6.689.395.466	993.315.237
Phải trả khác	-	23.024.123.772
Tổng cộng	1.128.729.938.440	1.124.038.016.602

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	11.686.893	11.676.030	310.409.632.590	432.652.671.245
Euro (EUR)	5.631.963	6.460.035	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	(31.039.794.570)	(43.264.099.521)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.415.041.148 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: là 1.852.553.397 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	165.896.805.396	-	165.896.805.396
Phải thu khách hàng	34.388.928.753	-	34.388.928.753
Phải thu nội bộ ngắn hạn	235.824.968.845	-	235.824.968.845
Các khoản phải thu khác	18.748.865.909	-	18.748.865.909
Đầu tư ngắn hạn	762.324.034.500	-	762.324.034.500
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	1.217.183.603.403	1.000.000.000	1.218.183.603.403
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	1.066.466.465.108	-	1.066.466.465.108
Phải trả người bán	55.574.077.866	-	55.574.077.866
Chi phí phải trả	6.689.395.466	-	6.689.395.466
Phải trả khác	-	-	-
Tổng cộng	1.128.729.938.440	-	1.128.729.938.440
Chênh lệch thanh khoản thuần	88.453.664.963	1.000.000.000	89.453.664.963

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	354.810.440.443	-	354.810.440.443
Phải thu khách hàng	53.341.312.879	-	53.341.312.879
Phải thu nội bộ ngắn hạn	237.223.628.051	-	237.223.628.051
Các khoản phải thu khác	12.199.121.770	-	12.199.121.770
Đầu tư ngắn hạn	519.561.430.200	-	519.561.430.200
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	1.177.135.933.343	1.000.000.000	1.178.135.933.343

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	822.635.637.433	-	822.635.637.433
Phải trả người bán	277.384.940.160	-	277.384.940.160
Chi phí phải trả	993.315.237	-	993.315.237
Phải trả khác	23.024.123.772	-	23.024.123.772
Tổng cộng	1.124.038.016.602	-	1.124.038.016.602

Chênh lệch thanh khoản thuần	53.097.916.741	1.000.000.000	54.097.916.741
-------------------------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Phan Quang Thành
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng




Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2015